

TỪ DÂN TỘC HỌC ĐẾN NHÂN HỌC: TIẾP CẬN TỪ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

NGÔ VĂN LỆ

Trong những năm gần đây, giáo dục đại học Việt Nam đã có những thay đổi trên nhiều phương diện. *Thứ nhất*, đã hình thành các trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực (hai Đại học Quốc gia ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, các đại học vùng). Các trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực khi hình thành đã hướng tới huy động nguồn lực trong và ngoài nước để có thể tổ chức đào tạo có chất lượng cao các lĩnh vực chuyên môn đáp ứng nhu cầu xây dựng đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, khi nền kinh tế tri thức đặt ra nhiều vấn đề cần được giải quyết đồng bộ như phát triển và phát triển bền vững, nguồn nhân lực chất lượng cao. *Thứ hai*, hình thức đào tạo cũng đã có những thay đổi. Trong khoảng thời gian dài, các trường đại học ở Việt Nam tổ chức đào tạo theo niên chế và đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức đào tạo theo niên chế cũng bộc lộ những hạn chế, như sinh viên không thể chủ động, nhất là chủ động thời gian trong học tập, khó có khả năng học liên thông, học vượt... Chuyển từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ đã có tác động rất lớn làm thay đổi tư duy của những người làm công tác quản lý giáo dục, đến đội ngũ giáo viên, cũng như cách học của sinh viên, cách tổ chức học tập, hình thức đánh giá.

Thứ ba, trong xu thế hội nhập, việc gắn kết giữa đào tạo và nghiên cứu như là một đòi hỏi để các trường đại học làm tốt hơn nhiệm vụ của mình. Chính trong bối cảnh đó, ở hầu hết các trường đại học Việt Nam hướng tới xây dựng đại học nghiên cứu. *Thứ tư*, nhiều lĩnh vực chuyên môn, có nguồn gốc từ các nước tư bản phát triển, được tổ chức đào tạo tại các đại học Việt Nam, như chính trị học, quan hệ quốc tế, tôn giáo học, công tác xã hội... Sự hình thành các ngành học mới trong cơ cấu đào tạo của giáo dục đại học Việt Nam như là một tất yếu, góp phần hoàn chỉnh chương trình đào tạo, mở rộng hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo. Sự hình thành các ngành học mới còn là một đòi hỏi phát triển của chính lĩnh vực khoa học đó, nó còn hướng tới giải quyết những vấn đề do đời sống đặt ra.

Trong những đổi thay về tổ chức đào tạo, có thể nói, sự hình thành các đơn vị đào tạo chuyên ngành Nhân học ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, là một bước đột phá lớn bởi vì sự hình thành các đơn vị tổ chức đào tạo Nhân học đã phá vỡ cơ cấu tổ chức đào tạo truyền thống của các trường đại học Việt Nam, có thể dẫn đến những thay đổi khác.

Nhiều người làm quản lý, nhiều giảng viên đại học, viện nghiên cứu hoan nghênh những bước đổi mới này. Tuy vậy, cũng có ý kiến cho rằng, việc hình thành ngành Nhân học trong cơ cấu đào tạo và nghiên cứu ở Việt Nam, có thể làm giảm đi những đóng góp của chính ngành học này cho việc giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam - một vấn đề rất nóng bỏng trong bối cảnh chung của toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Xung quanh sự ra đời của hai đơn vị đào tạo Nhân học thuộc hai đại học này cũng đã có nhiều ý kiến khác nhau. Bài viết này không bàn về sự cần thiết của việc hình thành những đơn vị đào tạo này, mà chỉ dừng lại ở việc tiếp cận vấn đề từ phương pháp nghiên cứu để khẳng định những vấn đề chung nhất của một lĩnh vực đào tạo được coi là mới ở nước ta.

Cách đây 10 năm (2004), GS. Phan Hữu Dật đã có bài viết nhan đề: “Góp phần tìm hiểu mối quan hệ giữa Dân tộc học và Nhân học” (Phan Hữu Dật, 2004, tr. 88-98). Mặc dù, bài viết được xác định thời gian như vậy, nhưng theo chúng tôi, có lẽ đã được GS. Phan Hữu Dật suy nghĩ từ trước đó, khi Giáo sư có dịp tham quan một số trường đại học Bắc Mỹ, nơi tổ chức đào tạo Nhân học như một chuyên ngành độc lập, khác hoàn toàn với mô hình Việt Nam. Trong bài viết của mình, sau khi nêu một cách rất khái lược quá trình hình thành và phát triển của ngành Dân tộc học và ngành Nhân học, GS. Phan Hữu Dật nêu lên một số ý kiến vừa là nhận định vừa gợi ý cho định hướng phát triển ngành Nhân học trong tương lai. Theo đó, giữa Dân tộc học và Nhân học có các mối quan hệ sau:

- Thứ nhất, về thời gian hình thành 2 ngành khoa học này. Dân tộc học ra đời vào

giữa thế kỷ XIX. Còn Nhân học như một tổ chức khoa học hình thành đầu tiên ở Anh vào năm 1822 và 1844, nhưng trở thành một khoa học phổ biến ở khối nước nói tiếng Anh thì vào thời gian muộn hơn. Năm 1998, tại Hoa Kỳ diễn ra Đại hội lần thứ XIV của các khoa học Nhân học và Dân tộc học. Mục đích là để tổng kết 100 năm nghiên cứu Nhân học. Có thể nghĩ rằng, vào cuối thế kỷ XIX, Nhân học ra đời ở nhiều quốc gia, như vậy thời gian hình thành Nhân học, như một khoa học, cũng như Dân tộc học là khoảng giữa thế kỷ XIX, để cuối thế kỷ thành lập tổ chức quốc tế của nó.

- Thứ hai, về đối tượng nghiên cứu, cũng như về phương pháp nghiên cứu, 2 ngành khoa học cũng tương tự nhau.

- Thứ ba, về nhiệm vụ chung của hai ngành khoa học này lúc đầu cũng giống nhau là phục vụ cho chủ nghĩa thực dân phương Tây.

- Thứ tư, các lý thuyết gia và nhà nhân học đồng thời cũng là nhà dân tộc học nổi tiếng thế giới như Tylor E. B., Morgan L. H., Frazer J. G., Boas F., Spencer B., Gillen F. J., Malinowski B., Elliott Smith G., Sapir E., Evan-Pritchard, E. E., Lowie R. H. đến Radcliffe-Brown A. R., Kroeber A. L., Mead M., Herskovits M. J., Benedict R. M., Glukman G. P., Murdoc K., C. Wisler...

- Thứ năm, tuy nhiên, tùy theo truyền thống khoa học của từng quốc gia và tùy theo quốc sách, nhiệm vụ cụ thể của từng quốc gia mà Dân tộc học và Nhân học có những đặc thù riêng (Phan Hữu Dật, 2004, tr. 95-96).

Sau khi nêu lên sự giống nhau và khác biệt giữa Dân tộc học và Nhân học trong tiến

trình phát triển cũng như mối quan hệ của hai ngành khoa học này, GS. Phan Hữu Dật viết “Dù vậy, trên đại thể mối quan hệ của hai ngành khoa học này rất chặt chẽ. Có thể nói rằng, Dân tộc học là Nhân học ở các nền khoa học của các quốc gia nói tiếng Anglo-Xacông và trái lại, Nhân học là Dân tộc học ở các quốc gia còn lại. Nói một cách khác cũng là ngành khoa học đó, mà ở các nước nói tiếng Anh, người ta gọi là Nhân học (bao gồm cả Nhân học hình thể), còn ở các nước không nói tiếng Anh, người ta gọi là Dân tộc học” (Phan Hữu Dật, 2004, tr. 96).

GS. Phan Hữu Dật là một nhà khoa học đầu ngành có nhiều công trình viết về những vấn đề lý luận và lịch sử ngành, lại có nhiều năm làm công tác đào tạo, quản lý, tổ chức và đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn, am hiểu quá trình phát triển của khoa học xã hội và nhân văn, không chỉ ở Việt Nam, mà cả trên bình diện quốc tế, nên những nhận xét của GS. Phan Hữu Dật có sức thuyết phục cao. Một khi đọc và suy ngẫm về những ý kiến trên đây của GS. Phan Hữu Dật về mối liên hệ giữa Dân tộc học và Nhân học, cũng như bước chuyển đổi trong quá trình hình thành và phát triển của hai ngành khoa học này (hoặc bất cứ một lĩnh vực khoa học nào), mọi người sẽ thấy tính quy luật trong phát triển khoa học nhằm đáp ứng sự phát triển tự thân của chính ngành khoa học đó và hướng tới phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội, của cộng đồng. Cũng theo GS. Phan Hữu Dật, do có “sự gần gũi và giống nhau giữa Nhân học và Dân tộc học là nguyên nhân ra đời Liên hiệp các khoa học quốc tế Nhân học và Dân tộc học, mà Đại hội lần I được tổ chức từ năm 1934 tại Luân Đôn. Tổ chức quốc tế này ngoài các nhà nhân học và dân tộc học còn

bao gồm cả một số các nhà khảo cổ học và ngôn ngữ học nữa” (Phan Hữu Dật, 2004, tr. 97). Ở cuối bài viết của mình, GS. Phan Hữu Dật có những trăn trở, khi viết: “Dân tộc học ở ta đã tồn tại hơn 3 thập kỷ và đã phát huy tác dụng tích cực trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng trong quốc gia Việt Nam thống nhất đa dân tộc. Ta không thể loại bỏ nó và thay thế bằng Nhân học. Mặt khác, ta cũng không thể đóng kín, cự tuyệt những yếu tố tích cực của Nhân học. Việc tiếp thu những mặt mạnh của Nhân học như sự tiến hóa của văn hóa, văn hóa - kỹ thuật học, hệ thống thân tộc, cấu trúc thiết chế xã hội, quyền lực xã hội, nghiên cứu về giới và môi trường sinh thái... sẽ làm cho Dân tộc học của ta tiếp tục phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu để có những công trình có giá trị về lý luận và thực tiễn” (Phan Hữu Dật, 2004, tr. 97). Từ những trăn trở trên, Giáo sư đề nghị “Nên chăng, hình thành một khoa học mới là Dân tộc học - Nhân học Việt Nam. Trong hệ thống các ngành khoa học xã hội và nhân văn, cần có Viện Dân tộc học và Nhân học. Trong lĩnh vực đào tạo, cần thành lập khoa, bộ môn, và nên là khoa Dân tộc học và Nhân học. Ngành học mới này cần tách ra khỏi các khoa học lịch sử. Mã số đào tạo các cấp cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ cũng không nên giữ mã số cũ, mà cần đặt mã số mới. Về hội nghề nghiệp, từ Hội Dân tộc học nên tổ chức thành Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam, thành viên quốc gia của Liên hiệp các hội Dân tộc học và Nhân học quốc tế. Cơ quan ngôn luận, các tạp chí chuyên ngành cũng cần có sự thay đổi tương ứng” (Phan Hữu Dật, 2004, tr. 98).

Tất cả những đề nghị của GS. Phan Hữu Dật cách đây hơn 10 năm, cho đến nay,

về căn bản đã thành hiện thực, như Bộ Giáo dục - Đào tạo đã có Quyết định thành lập Hội đồng ngành Nhân học vào năm 2009; trong Dự thảo chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục - Đào tạo hiện nay không có mã ngành Dân tộc học, chỉ có mã ngành Nhân học thuộc khối Khoa học xã hội hành vi; Hội Dân tộc học Việt Nam đã đổi thành Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam... Nhưng, những trăn trở của Giáo sư về phát triển ngành Nhân học trong sự kế thừa và phát huy những thành tựu mà ngành Dân tộc học đã đạt được trong những thập kỷ qua vẫn còn đó.

Là một người được đào tạo căn bản về chuyên ngành Dân tộc học từ bậc cử nhân đến tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo có uy tín và cũng có một khoảng thời gian dài vừa làm công tác đào tạo, tổ chức và quản lý đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, chúng tôi rất chia sẻ với những ý kiến của GS. Phan Hữu Dật. Cho dù rất ủng hộ và tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho Bộ môn Nhân học được ra đời trên cơ sở Bộ môn Dân tộc học thuộc Khoa Lịch sử, trở thành Bộ môn độc lập trực thuộc Trường từ năm 2002 và cũng từ thời điểm đó, chương trình đào tạo cử nhân chính quy được triển khai tổ chức đào tạo tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, trước bài viết của GS. Phan Hữu Dật hai năm, chúng tôi cho rằng Dân tộc học và Nhân học tuy rất gần gũi, nhưng không thể là một. Đây thực sự không phải chỉ là sự khác nhau giữa hai khuynh hướng (hoặc nhiều) để nghiên cứu (tiếp cận) về một đối tượng, nhiệm vụ của một lĩnh vực khoa học, mà thực sự có những khác biệt. Vì vậy, sự chuyển đổi hiện nay từ Dân tộc học sang Nhân học, theo chúng tôi,

mới đạt được mục tiêu hội nhập (cũng giống như chúng ta triển khai đào tạo tín chỉ đại trà), bởi chúng ta không chỉ hội nhập trong lĩnh vực kinh tế, mà phải hội nhập cả trong các lĩnh vực giáo dục, học thuật. Để Nhân học thực sự có những đóng góp cho giáo dục đại học cũng như nghiên cứu, chúng ta cần phát huy những thành tựu mà ngành Dân tộc học đã đạt được trong nghiên cứu, đào tạo, hợp tác quốc tế, góp phần xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong những năm kháng chiến chống xâm lược cũng như trong xây dựng hòa bình. Đồng thời, các cơ sở triển khai đào tạo Nhân học phải cố gắng nhiều trong xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo, xây dựng đội ngũ, hợp tác quốc tế mới có thể hoàn thành được sứ mạng của mình.

Như trên chúng tôi đã xác định, bài viết không có chủ đích bàn về sự giống nhau và khác nhau giữa Dân tộc học và Nhân học. Nhưng để có cơ sở nói về phương pháp nghiên cứu của Nhân học khác với Dân tộc học, chúng tôi thấy cần thiết trình bày về sự gần gũi nhưng khác biệt giữa Dân tộc học và Nhân học. Sự khác biệt giữa hai ngành Dân tộc học và Nhân học không chỉ là tên gọi, mà có thể sự khác biệt đó được thể hiện ở các nội dung sau.

- Thứ nhất, trong cơ cấu ngành học, Dân tộc học là một bộ môn thuộc khoa học lịch sử, trong khi đó Nhân học thường là một đơn vị đào tạo độc lập.

- Thứ hai, về lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu Nhân học có 5 lĩnh vực (Khảo cổ học; Ngôn ngữ học và Nhân học ký hiệu; Nhân học hình thể; Nhân học văn hóa xã hội; Nhân học ứng dụng) (Phan Hữu Dật,

2004, tr. 93-94) trong khi Dân tộc học chỉ là một chuyên ngành của khoa học lịch sử [Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên), 1998; Phan Hữu Dật, 2004, tr. 17-73].

- Thứ ba, về phương pháp nghiên cứu cũng có những khác biệt. Các phương pháp nghiên cứu trong Dân tộc học thường được trình bày như là một phần nhỏ trong chương mở đầu và không nhiều; trong khi đó, để phục vụ cho đào tạo Nhân học, có khá nhiều công trình liên quan đến phương pháp đã được xuất bản (chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau). Ngoài ra, cũng có sự khác biệt về không gian nghiên cứu và thời gian nghiên cứu. Dân tộc học truyền thống chú trọng đến các xã hội chậm phát triển, chủ yếu là các tộc người thiểu số (như các tộc người cư trú ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ - La tinh...) còn các xã hội hiện đại chỉ được chú ý ở những năm sau này bởi các nhà Dân tộc học Xô Viết. Trong khi đó, Nhân học, như trên chúng tôi đã trình bày, do lĩnh vực nghiên cứu rộng, nên không gian nghiên cứu cũng được mở rộng hơn so với Dân tộc học. Vì Dân tộc học chú trọng đến các xã hội tiền giai cấp (xã hội các tộc người thiểu số) hơn là các tộc người đã đạt đến một trình độ phát triển cao hơn (các xã hội có giai cấp) nên thời gian cũng giới hạn, thường nghiên cứu các xã tiền tư bản, xã hội thuộc nền văn minh nông nghiệp.

Những năm sau hòa bình (1954), khi giáo dục đại học Việt Nam bắt đầu tổ chức đào tạo, trong cơ cấu tổ chức và đào tạo Dân tộc học luôn tồn tại với tư cách là một bộ môn trong Khoa Lịch sử. Trong giai đoạn đầu đầy khó khăn, để đáp ứng nhu cầu đào tạo có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài, giáo trình rất hạn chế. Những năm gần đây, một mặt, đội ngũ những nhà dân

tộc học không ngừng gia tăng cả về số lượng và chất lượng, mặt khác, do nhu cầu đào tạo ngày một gia tăng, một loạt các giáo trình đã được xuất bản (Phan Hữu Dật, 2004, tr. 7). Hệ thống các giáo trình chuyên đề, các giáo trình cơ sở đã góp phần rất lớn trong đào tạo các bậc học và đạt được những thành quả nhất định. Tuy nhiên, có một thực tế là mặc dù Dân tộc học đã được triển khai đào tạo ở nước ta vào cuối những năm 50 (1958) và Viện Dân tộc học Việt Nam được thành lập năm 1968, nhưng cho đến nay không có một công trình chuyên về phương pháp nghiên cứu được xuất bản, có chăng là những quyển giáo trình phương pháp của Liên Xô trước đây đã được dịch nhưng chưa xuất bản để phục vụ rộng rãi công tác đào tạo và học tập.

Có thể do Dân tộc học là một bộ môn của Khoa học Lịch sử, nên phương pháp luận sử học đã bao hàm cả phương pháp nghiên cứu Dân tộc học? Ngay cả những nước có truyền thống đào tạo Dân tộc học cũng rất ít các công trình chuyên về phương pháp nghiên cứu, kể cả các công trình chuyên về lý thuyết. Trong khi đó, ở Việt Nam, Nhân học chính thức trở thành một Bộ môn độc lập vào năm 2002 (chỉ giới hạn tại một trường), nhưng cho đến nay đã có khá nhiều công trình chuyên về phương pháp nghiên cứu kể cả các công trình chuyên về lý thuyết đã được xuất bản (chủ yếu là sách dịch) để phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2006; Bernard, 2007; Layton, 2007; Olivier De Sardan, 2008). Đó là chưa tính đến một loạt các công trình có liên quan đến lịch sử, các khuynh hướng lý thuyết, các tài liệu công cụ khác. Đây là một minh chứng nói lên sự khác biệt giữa Dân tộc học và Nhân học nhìn từ sự phát triển.

Như chúng ta đã biết, trong các giáo trình cơ sở Dân tộc học (có thể có tên gọi khác nhau như Cơ sở Dân tộc học hay Dân tộc học đại cương) phần trình bày về phương pháp không nhiều. Trong cuốn *Dân tộc học đại cương* được xuất bản vào năm 1998, những nội dung có liên quan đến phương pháp chỉ có hơn 2 trang [Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên), 1998, tr. 11-13]. Có hai phương pháp được trình bày trong cuốn sách này là:

- Thứ nhất: Tiến hành nghiên cứu điền dã tại địa bàn sinh sống của các tộc người là việc làm quan trọng nhất. Công tác nghiên cứu điền dã dân tộc học gồm nhiều hình thức: quan sát trực tiếp đời sống mọi mặt của các dân tộc, hỏi chuyện, phỏng vấn nhân dân, tham gia trực tiếp vào sinh hoạt văn hóa xã hội của đồng bào dân tộc để tìm hiểu họ. Tất cả những tài liệu thu thập được phải được ghi chép, phân loại đầy đủ ngay tại chỗ trong quá trình làm việc. Tài liệu thu thập được có thể bằng hình vẽ, ảnh chụp, quay phim, ghi âm... Trong quá trình điền dã, nhà dân tộc học còn sưu tầm những tư liệu hiện vật như công cụ sản xuất, quần áo đồ trang sức, nhạc cụ [Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên), 1998, tr. 11]. Tuy nhiên, trong thực tế có những nhà dân tộc học “ghế bành”, những người chỉ làm việc tại các thư viện, đọc sách và nghiên cứu. Những người này, nhiều khi sống rất xa địa bàn nghiên cứu, vì vậy, nhiều nhận xét, đánh giá của họ không khách quan, thiếu tính khoa học.

- Thứ hai: Phương pháp được đông đảo giới nghiên cứu Dân tộc học sử dụng và mang lại hiệu quả cao là phương pháp so sánh, so sánh cả về phương diện đồng đại và lịch đại. Nghiên cứu đồng đại dựa vào hàng loạt những dữ kiện cùng xảy ra một lúc xét

về niên đại hoặc dựa vào những dữ kiện giả định rằng có cùng một thời gian lịch sử, nghiên cứu lịch đại chính là so sánh những dữ kiện đó nhưng thuộc về các biên độ thời gian khác nhau” [Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên), 1998, tr. 12].

Nhân học, như trên đã trình bày, là ngành khoa học có phạm vi nghiên cứu rất rộng (bao gồm nhiều chuyên ngành), lại có xu hướng tích hợp các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Chính vì thế, về phương pháp, Nhân học có xu hướng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng của các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác (như Kinh tế học, Xã hội học, Chính trị, Tâm lý, Địa lý, Sử học). Trong giáo trình Nhân học đại cương, phần nói về phương pháp nghiên cứu không nhiều so với dung lượng của cuốn sách (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2008, tr. 29-33), nhưng những công trình chuyên về phương pháp nghiên cứu được xuất bản trong những năm gần đây đã bổ sung có hiệu quả cho việc cung cấp các phương pháp nghiên cứu trong việc cung cấp tri thức cũng như vận dụng các phương pháp đó trong các nghiên cứu cụ thể. Trong quá trình thực hiện Dự án “Đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ giảng dạy kết hợp với nghiên cứu khoa học của hai ngành Nhân học và Xã hội học” do Quỹ Ford tài trợ, Bộ môn Nhân học đã triển khai thực hiện hai tiêu đề tài nghiên cứu khoa học đạt kết quả, đạt được mục tiêu của Dự án là sự kết hợp giữa lý thuyết và nghiên cứu ứng dụng¹. Để có thể minh họa

¹ Đề tài thứ nhất “Biến đổi kinh tế, văn hóa của vùng ven dưới tác động của quá trình đô thị hóa - trường hợp xã Tân Kiên (huyện Bình Chánh); Đề tài thứ hai “Biến đổi kinh tế - xã hội của các tộc người thiểu số ở TP. Hồ Chí Minh, trường hợp người Khmer và người Chăm”.

cho sự khác biệt giữa phương pháp nghiên cứu trong Dân tộc học và phương pháp nghiên cứu trong Nhân học, chúng tôi trình bày một trong những phương pháp nghiên cứu mà cả hai ngành đều vận dụng và đều được coi là quan trọng. Đó là phương pháp quan sát tham dự, thông thường được triển khai trong quá trình điền dã Dân tộc học. Nghiên cứu theo truyền thống do các chuyên gia (người nghiên cứu) tiến hành thông qua việc thu thập thông tin định tính, định lượng về một cộng đồng, một vấn đề nào đó (như tín ngưỡng, tôn giáo...) các yếu tố về tài nguyên môi trường... Phương pháp này được xem như phương pháp dòng chảy thông tin một chiều, từ đối tượng nghiên cứu đến nhà nghiên cứu. Vì là dòng thông tin một chiều, nên quá trình này tương đối tĩnh, thông tin được thu thập từ cộng đồng, sau đó được các nhà nghiên cứu phân tích, xử lý số liệu (hoặc những ghi chép về phong tục tập quán) để đưa vào sử dụng, mà có rất ít hoặc hầu như không có sự phản hồi của cộng đồng hoặc đối tượng nghiên cứu khác. Trong những trường hợp như vậy, nghiên cứu là trách nhiệm của những chuyên gia và chỉ có họ mới đủ năng lực để xem xét, đánh giá về một vấn đề nào đó, còn cộng đồng được nghiên cứu chỉ ở vai trò thụ động. Còn theo các nhà nghiên cứu Nhân học phát triển thì nghiên cứu có sự tham gia của người dân là điều bắt buộc trong các nghiên cứu mang tính ứng dụng. Phương pháp nghiên cứu này được hiểu là phương pháp tiếp cận mà cả người nghiên cứu, quan chức địa phương và cộng đồng cư dân cùng tham gia, cùng có ý kiến. Quá trình này diễn ra theo hai chiều từ phía người nghiên cứu và từ phía các đối tượng còn lại, vì vậy dòng thông tin động. Những kết quả nghiên cứu như vậy giúp cho

việc hoạch định các chính sách phát triển phù hợp và có hiệu quả hơn. Cũng chính trong quá trình nghiên cứu có sự tham dự và tham gia của cộng đồng đã xuất hiện hướng nghiên cứu mới tiếp cận nông thôn như Đánh giá nông thôn có sự tham gia (Participatory Rural Appraisal - PRA) được áp dụng trong quá trình nghiên cứu đói nghèo ở nông thôn và các nghiên cứu ứng dụng khác.

Như vậy, qua những gì chúng tôi trình bày về phương pháp nghiên cứu trong Nhân học và Dân tộc học có thể thấy, về hình thức, có thể không khác nhau, nhưng nội dung và cách thức lại không giống nhau. Trong cuốn *Các phương pháp nghiên cứu trong nhân học - tiếp cận định tính và định lượng*, chúng ta thấy phương pháp nghiên cứu trong Nhân học cũng có những khác biệt rõ ràng (trong Dân tộc học cũng sử dụng phương pháp định tính và định lượng). Chúng tôi cũng đã trình bày những khác biệt giữa Dân tộc học và Nhân học trong cơ cấu ngành, không gian và thời gian nghiên cứu, và cùng với những gì vừa trình bày về phương pháp nghiên cứu (dù rất giới hạn) có thể rút ra những nhận xét sau.

- *Thứ nhất*, giữa Dân tộc học và Nhân học có mối liên hệ với nhau, như ý kiến của GS. Phan Hữu Dật, đã được chúng tôi trích dẫn lại trong bài viết của mình.

- *Thứ hai*, tuy Dân tộc học và Nhân học có mối liên hệ với nhau, nhưng có sự khác biệt trong cấu trúc ngành, nội dung, không gian và thời gian nghiên cứu, và phương pháp nghiên cứu.

- *Thứ ba*, sự chuyển đổi từ Dân tộc học sang Nhân học phù hợp với xu hướng trong

bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, khi Việt Nam không chỉ hội nhập kinh tế, mà còn hội nhập trong giáo dục và học thuật.

- *Thứ tư*, để cho Nhân học phát triển và thực sự có những đóng góp không chỉ trong đào tạo và cả trong học thuật, cần đánh giá một cách khách quan, khoa học và toàn diện những đóng góp của Dân tộc học đối với giáo dục và đào tạo nghiên cứu khoa học cũng như trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta trong những năm kháng chiến cũng như trong hòa bình.

- *Thứ năm*, trong bối cảnh hiện nay, tuy Nhân học đã xác lập được chỗ đứng của mình trong hệ thống giáo dục, nhưng chỉ mới bước đầu. Để Nhân học thực sự đáp ứng được kỳ vọng trong bối cảnh hội nhập, còn nhiều việc phải làm. Còn trong lĩnh vực nghiên cứu, tuy chưa có những chuyển động tích cực trong tổ chức, nhưng việc triển khai đào tạo sau đại học với mã ngành Nhân học đã có, là những tín hiệu về những thay đổi trong tương lai gần. Đối với nước ta là nước có nhiều thành phần tộc người sinh sống, thống nhất trong đa dạng phát triển, thì Nhân học chính trị cần được quan tâm nhiều, để có thể tiếp tục công việc mà ngành Dân tộc học đã thực hiện trước đây.

Như vậy, các cơ quan quản lý giáo dục đại học, các trường, nhất là các trường có thế mạnh trong đào tạo và nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn còn phải nỗ lực nhiều hơn nữa thì Nhân học mới thực sự có chỗ đứng trong hệ thống giáo dục và có những đóng góp một cách có hiệu quả cho nghiên cứu và đào tạo.

Tài liệu tham khảo

1. Bernard, H. Russel (2007), *Các phương pháp nghiên cứu trong Nhân học - Tiếp cận định tính và định lượng* (bản tiếng Việt), Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
2. Emily A. Schultz-Robert, H. Lavenda (2001), *Nhân học - Một quan điểm về tình trạng nhân sinh* (bản tiếng Việt), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Phan Hữu Dật (2004), “Góp phần tìm hiểu về mối quan hệ giữa Dân tộc học và Nhân học”, trong: *Góp phần nghiên cứu dân tộc học Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Mcgee-Richard, R. Jon; L. Warmes (2010), *Lý thuyết nhân loại học - Giới thiệu lịch sử*, Nxb Từ điển bách khoa.
5. Layton, Rober (2007), *Nhập môn lý thuyết Nhân học* (bản tiếng Việt), Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
6. Olivier De Sardan, Jean Pier (2008), *Nhân học phát triển: lý thuyết, phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu điền dã* (bản tiếng Việt), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2006), *Một số vấn đề lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Nhân học* (bản tiếng Việt), Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
8. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2008), *Nhân học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
9. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên), Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Tiệp (1998), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.